TAND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 116 /2018 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 8 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 181/2018/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa:

Anh Trần Duy Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Chị Hà Thị Thành, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 12, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.**Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Trần Duy T

, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Chị Hà Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 12, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Duy T và chị Hà Thị T1.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận anh Trần Duy T nộp toàn bộ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh T đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0005112 ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tđược trừ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm . Trả lại cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS T
- Chi cục thi hành án T
- phòng Giám đốc án
- UBND xã Cán Khê
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy